

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố hiện trạng, diện tích rừng tỉnh Đồng Nai năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 666/TTr-SNN ngày 20 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố số liệu hiện trạng, diện tích rừng tỉnh Đồng Nai năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: ha

| Số Thứ tự | Hạng mục | Tổng cộng | Phân theo mục đích sử dụng | | | | |
|--|-------------------|------------|----------------------------|-----------|-----------|-----------------------------|-----------------------------|
| | | | Đặc dụng | Phòng hộ | Sản xuất | | |
| | | | | | Cộng | Trong quy hoạch 3 loại rừng | Ngoài quy hoạch 3 loại rừng |
| Tổng diện tích (gồm diện tích có rừng và rừng trồng chưa thành rừng) | | 181.627,22 | 99.854,40 | 34.902,96 | 46.869,86 | 31.240,07 | 15.629,79 |
| 1 | Diện tích có rừng | 170.547,50 | 99.375,77 | 34.097,93 | 37.073,80 | 27.442,26 | 9.631,54 |
| 1.1 | Rừng tự nhiên | 124.328,89 | 95.656,88 | 16.260,33 | 12.411,68 | 11.787,23 | 624,45 |
| 1.2 | Rừng trồng | 46.218,61 | 3.718,89 | 17.837,60 | 24.662,12 | 15.655,03 | 9.007,09 |

| Số Thứ tự | Hạng mục | Tổng cộng | Phân theo mục đích sử dụng | | | | |
|-----------|---|-----------|----------------------------|----------|-----------|-----------------------------|-----------------------------|
| | | | Đặc dụng | Phòng hộ | Sản xuất | | |
| | | | | | Cộng | Trong quy hoạch 3 loại rừng | Ngoài quy hoạch 3 loại rừng |
| 2 | Diện tích chưa thành rừng | 29.816,25 | 4.763,39 | 6.059,98 | 18.992,88 | 8.494,56 | 10.498,32 |
| 2.1 | Diện tích đã trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng | 11.079,72 | 478,63 | 805,03 | 9.796,06 | 3.797,81 | 5.998,25 |
| 2.2 | Diện tích khoanh nuôi tái sinh | 791,78 | 448,83 | 144,04 | 198,91 | 198,91 | - |
| 2.3 | Diện tích khác | 17.944,75 | 3.835,93 | 5.110,91 | 8.997,91 | 4.497,84 | 4.500,07 |

Theo kết quả trên hệ thống phần mềm FRMS tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Đồng Nai là 589.775,3 ha, do đó diện tích rừng tính tỷ lệ che phủ là 170.547,50 ha, tỷ lệ che phủ của tỉnh Đồng Nai năm 2023 là 28,92 %.

Số liệu chi tiết hiện trạng rừng năm 2023 theo hệ thống biểu đính kèm gồm:

- Biểu IV-02: Diện tích rừng và diện tích chưa thành rừng phân theo mục đích sử dụng
- Biểu IV-03: Diện tích rừng và diện tích chưa thành rừng theo loại chủ rừng và tổ chức được giao quản lý;
- Biểu IV-04: Tổng hợp tỷ lệ che phủ rừng;
- Biểu IV-05: Tổng hợp diễn biến diện tích rừng và diện tích chưa thành rừng theo các nguyên nhân.

(Nếu tính diện tích tự nhiên của tỉnh Đồng Nai là: **586.361,81** ha theo Văn bản số 6508/SNN-CCKL ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai gửi Cục Kiểm lâm về việc đề nghị cập nhật địa giới hành chính tỉnh, huyện, xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo số liệu mới vào cơ sở dữ liệu phần mềm FRMS sau khi điều chỉnh khu vực Cù lao Gò Gia sang thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 114/NQ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ; Quyết định số 461/QĐ-BNV ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Bộ Nội vụ về việc công nhận số lượng, chất lượng hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Đồng Nai; Quyết định 1435/QĐ- BTNMT ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt và công bố kết quả kiểm kê diện tích đất năm 2019 thì diện tích rừng tính tỷ lệ che phủ là 168.611,09 ha, khi đó tỷ lệ che phủ rừng tỉnh Đồng Nai năm 2023 là 28,76%).

Điều 2. Số liệu hiện trạng, diện tích rừng tỉnh Đồng Nai năm 2023 được công bố là căn cứ để các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp:

1. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp theo quy định tại Điều 102 Luật Lâm nghiệp năm 2017.

2. Nghiên cứu, hoạch định các chủ trương, chính sách đảm bảo mục tiêu phát triển rừng bền vững, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hàng năm và làm cơ sở để cập nhật diễn biến rừng những năm tiếp theo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và Biên Hòa, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (báo cáo);
- Tỉnh ủy Đồng Nai (báo cáo);
- Hội đồng nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Q. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

Vinh ktn QD hiện trạng rừng

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi

